

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST
Ngày 30-3-2021
“Về tranh chấp HĐ mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.
2- Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Phương V, sinh năm 1993. Địa chỉ: đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh A.

Ông Thái Trần L, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh A. (Ông L có mặt, bà V xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Mai Ngọc Thanh H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện T, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Võ Thị Hồng V, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện T, tỉnh A, theo ủy quyền ngày 18-11-2020 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L trình bày: Ngày 28-8-2019, vợ chồng bà V ông L có đến trại gỗ D do ông Mai Ngọc Thanh H làm chủ để đặt đóng một bộ tủ bếp bằng gỗ. Theo thỏa thuận bà V ông L đặt đóng tủ bếp viền khung bằng gỗ căm xe, tất cả các phần còn lại là gỗ gõ đỏ, toàn bộ gỗ là của phía bên

ông H, hai bên thống nhất theo giá ông H đưa ra là 8.000.000 đồng/m. Sau khi thợ đến nhà ông L đo chiều dài của tủ bếp là 3,67m, ông H tính giá của tủ bếp là 29.400.000 đồng. Ngày 28-9-2019, thợ gỗ của ông H đến lắp ráp tủ tại nhà riêng của bà V ông L, thợ gỗ cho biết mặt ngoài tủ viền gỗ căm xe, còn cánh tủ gỗ gõ đỏ, phần còn lại là gỗ thao lao. Do bên ông H giao tủ không đúng quy cách với thỏa thuận nên bà V gọi điện thoại yêu cầu ông H đem tủ về đóng lại với loại gỗ theo đúng thỏa thuận ban đầu, ông H cho người tháo tủ đem về trại đóng lại. Ngày 11-10-2019, thợ gỗ của ông H lắp ráp tủ lần 2 và khẳng định tủ bếp làm theo quy cách mà bà V ông L đặt, tủ được làm bằng gỗ căm xe và gỗ gõ đỏ. Bà V ông L tin tưởng nên cho thợ ráp và thanh toán hết số tiền là 29.400.000 đồng. Ngày 20-3-2020, bà V ông L phát hiện tủ bếp có dấu hiệu bị một mối ăn hư hỏng các bộ phận của tủ nên đến gặp ông H trao đổi và yêu cầu ông H kiểm tra và sửa chữa lại. Từ ngày 14-6-2020 đến ngày 29-7-2020 nhiều lần bà V ông L có nhắn tin nhưng ông H không đến xem và sửa tủ. Sau nhiều lần bà V ông L than phiền với thợ gỗ và người dân ở gần nhà thì đến ngày 04-8-2020, ông H cho một thợ đến xem và hứa sẽ sửa ngay nhưng cũng không thực hiện. Nay tủ bị mối một phá hư nhiều do đó bà V ông L yêu cầu ông H trả lại số tiền là 29.400.000 đồng, bà V ông L trả lại tủ gỗ cho ông H vì chất lượng của gỗ không đúng yêu cầu dẫn đến tủ bị hư.

Tại Bản trình bày ý kiến ngày 18-11-2020 của ông Mai Ngọc Thanh H và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Võ Thị Hồng V trình bày: Khoảng tháng 7 năm 2019 có khách hàng tên Lâm ghé trại mộc của ông H đặt tủ kệ bếp. Quy cách là đồ (khung sườn) gỗ căm xe, trám gỗ gõ đỏ mặt trên và mặt dưới với giá 8.000.000 đồng/mét. Hai bên chỉ thỏa thuận đóng tủ gỗ bằng miệng chứ không lập hợp đồng cụ thể. Sau khi thống nhất giữa bên mua và bên bán thì ông H đến nhà ông L đo kệ bếp, chiều dài kệ bếp là 3m7, tính thành tiền là 29.600.000 đồng, bên ông L có ứng trước 10.000.000 đồng. Khi kệ bếp làm xong ông H cho bốn người thợ đến nhà ông L gắn hoàn chỉnh dưới sự giám sát của ông L, bên ông L trả hết số tiền còn lại. Sự mua bán giữa hai bên rõ ràng, bên ông L đã kiểm tra hàng khi giao nhận và không có thắc mắc gì, vì vậy ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bên ông L, ông H chỉ đồng ý sửa chữa lại phần tủ hư hỏng.

Tại phiên tòa ông L yêu cầu ông H trả cho ông L 11.000.000 đồng để ông L thuê người khác sửa tủ. Người đại diện hợp pháp của ông H là bà V thừa nhận tủ bếp ông H bán cho ông L bị hỏng do một ăn gỗ, bà V không chấp nhận trả tiền để ông L thuê người khác sửa tủ mà đề nghị ông L chở tủ đến cơ sở mộc của ông H sửa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết tranh chấp, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong vụ án xác định tủ bếp ông H làm bán cho bà V ông L bị hỏng là do một ăn. Tại phiên tòa ông L

yêu cầu ông H trả cho ông L 11.000.000 đồng để ông L thuê người khác sửa tủ. Đại diện ông H là bà V thừa nhận tủ bếp ông H bán cho ông L bị hỏng do một ăn và đề nghị ông L đưa tủ đến cơ sở mộc của ông H để sửa, bà V không đồng ý trả lại ông L 11.000.000 đồng để ông L sửa tủ. Do các bên không thống nhất việc sửa tủ, căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-3-2021 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông L, buộc ông H trả lại ông L và bà V 9.500.000 đồng để bên ông L sửa tủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L với ông Mai Ngọc Thanh H là tranh chấp hợp đồng mua bán. Căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Bà V là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 28-8-2019, vợ chồng bà V ông L đến sở sở mộc của ông Mai Ngọc Thanh H ở ấp Vàm Kinh, xã Bình An, huyện T đặt mua của ông H một tủ bếp mới bằng gỗ, đồ tủ, vách, nóc, đáy tủ làm bằng gỗ căm xe, mặt trước của tủ làm bằng gỗ gõ đỏ và một trang thờ bằng gỗ gõ đỏ, giá tính luôn tiền công lắp ráp và vận chuyển đến nhà ông L là 8000000 đồng/m, hợp đồng không làm văn bản. Sau đó thợ của ông H đến nhà ông L đo xác định chiều dài tủ bếp và trang thờ là 3m7, tính thành tiền là 29.600.000 đồng, bên ông L có ứng trước 10.000.000 đồng. Ngày 28-9-2019, bên ông H đem tủ đến nhà của bà V ông L lắp ráp tủ. Thấy tủ làm không đúng yêu cầu vì có gỗ thao lao nên bà V gọi điện thoại yêu cầu ông H đem tủ về đóng lại với loại gỗ theo đúng thỏa thuận. Ngày 11-10-2019, thợ gỗ của ông H đến nhà ông L lắp ráp tủ lần 2 khẳng định tủ bếp được làm bằng gỗ căm xe và gỗ gõ đỏ theo quy cách bên mua đặt hàng. Bà V ông L đồng ý cho thợ ráp tủ và thanh toán hết tiền mua là 29.600.000 đồng. Tháng 3 năm 2020, bà V ông L phát hiện tủ bếp có dấu hiệu bị một mối ăn hư hỏng nên báo cho bên ông H biết và yêu cầu sửa nhưng ông H không đến xem và sửa chữa.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-3-2021 thì tủ bếp bà V ông L đặt mua của ông H kiểu hình chữ L dài 3m x cao 0,6m x sâu 0,4m, trang thờ cao 0,6 x ngang 0,67 một bên gắn liền với tủ bếp và một bên gắn kết với tấm gỗ gõ đỏ cao 2,47m có đồ gỗ căm xe. Phần tủ bếp bị một ăn hỏng ở vị trí nóc, đáy tủ, vách lưng, vách hông tủ như lời trình bày của nguyên đơn, đại diện bị đơn là bà V cũng thừa nhận tủ hỏng do bị một ăn. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bên bán hàng là ông H trả lại 11.000.000 đồng để bên nguyên đơn là ông L thuê người khác sửa tủ nhưng đại diện bị đơn không đồng ý.

Xét thấy tủ bếp bà V ông L đặt mua là tủ gỗ mới nên bên bán phải bảo đảm về chất lượng của vật mua bán, sau khi giao hàng chưa được 6 tháng thì bên ông L phát hiện tủ bếp bị một ăn và đã báo cho bên ông H biết đồng thời yêu cầu sửa theo quy định tại Điều 445 Bộ luật dân sự nhưng ông H không đến sửa, do đó bà V và ông L khởi kiện là có căn cứ. Tuy nhiên việc ông L yêu cầu ông H trả 11.000.000 đồng để sửa tủ thì ông L không có tài liệu gì để chứng minh số tiền chi phí đó là hợp lý. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-3-2021 thì chi phí cho việc sửa tủ gồm cả tiền xe là 9.500.000 đồng, vì vậy buộc ông H trả lại cho nguyên đơn số tiền là 9.500.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đòi ông H trả thêm 1.500.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định là 1.500.000 đồng, do đó bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền là 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bị đơn là ông H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn là bà V và ông L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Như vậy ông H phải chịu là 475.000 đồng, bà V và ông L phải liên đới chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 430, Điều 445 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L đối với ông Mai Ngọc Thanh H về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Mai Ngọc Thanh H phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L số tiền 9.500.000 (Chín triệu năm trăm ngàn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L về buộc ông Mai Ngọc Thanh H phải trả thêm số tiền 1.500.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Mai Ngọc Thanh H phải trả bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L số tiền là 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là ông Mai Ngọc Thanh H còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Mai Ngọc Thanh H phải chịu 475.000 (Bốn trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L phải liên đới chịu 300.000 đồng và khấu trừ 735.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007407 ngày 12-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Phương V và ông Thái Trần L tiền tạm ứng án phí còn thừa là 435.000 (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

5. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông Thái Trần L, bị đơn là ông Mai Ngọc Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30-3-2021. Bà Nguyễn Thị Phương V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến